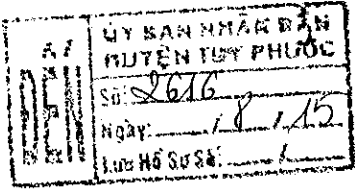


Số: 1581 /SGDDT-KHTC

Bình Định, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Về việc đánh giá tình hình và rà soát thực trạng
nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trường học
cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai
đoạn 2016-2020



Kính gửi : Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Thực hiện Công văn số 3839/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 30/7/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá tình hình và rà soát thực trạng nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trường học cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, để có số liệu tổng hợp thực trạng nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trường học cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông của tỉnh giai đoạn 2016-2020, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo để Bộ xây dựng Đề án “ Bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình Giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông” trình Thủ tướng trong năm 2015, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện báo cáo theo các nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học giai đoạn 2011-2015

a. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất thiết bị trường học giai đoạn 2011-2015

- Công tác lập và thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thuộc địa phương quản lý.

- Kết quả triển khai, thực hiện các chương trình, đề án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục từ các nguồn vốn: Chương trình mục tiêu, trái phiếu Chính phủ, ODA, ngân sách địa phương(tỉnh, huyện, thị xã, thành phố) và nguồn vốn khác xã hội hóa.

- Đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị của từng cấp học; tình hình và cơ cấu các công trình trong trường học; số lượng và tỷ lệ % đáp ứng so với nhu cầu; số lượng trường đạt chuẩn quốc gia; số lượng, tỷ lệ % đáp ứng và chất lượng, thiết bị dạy học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc địa phương quản lý.

b. Đánh giá chung

Trên cơ sở tổng kết đánh giá các nội dung nêu trên, đánh giá tổng quát về thực hiện kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất thiết bị trường học giai đoạn 2011-2015, những thành tựu, kết quả nổi bật; những khó khăn, vướng mắc về công tác xây dựng và thực hiện quy hoạch, bố trí nguồn ngân sách nhà nước, huy động các nguồn lực để thực hiện; nguyên nhân của thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm.

2. Rà soát thực trạng và nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 25/5/2014 của Tỉnh ủy Bình Định về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng(khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành kế hoạch đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; tình hình phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của địa phương về giáo dục và đào tạo; thực trạng quy mô, cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục và đào tạo; quy mô học sinh các bậc học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; quy hoạch mạng lưới trường, lớp ở địa phương và định hướng mục tiêu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đề nghị báo cáo một số nội dung:

- Rà soát và xác định nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học.

- Xác định các mục tiêu, hạng mục ưu tiên thực hiện, khối lượng các loại trang thiết bị mua sắm theo kế hoạch. Đặc biệt chú trọng yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học đảm bảo điều kiện tối thiểu để thực hiện chương trình giáo dục và định hướng xây dựng trường chuẩn quốc gia.

- Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư theo từng nguồn vốn, dự báo khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư, cơ chế chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư cho giáo dục.

- Phương hướng, giải pháp thực hiện.

- Đề xuất và kiến nghị.

- Tổng hợp số liệu của từng cấp học và chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục từng cấp học rà soát, thống kê số liệu theo các biểu mẫu kèm theo:

+ Các cơ sở giáo dục rà soát, thống kê số liệu theo các biểu mẫu 1,2,3, 13,14,15. Trường hợp là cơ sở giáo dục nhiều cấp học, thống kê theo biểu mẫu của từng cấp học, đối với khối phòng dùng chung chỉ thống kê theo cấp học cao nhất; Trường hợp có 2 cơ sở giáo dục dùng chung một địa điểm cần phối hợp rà soát, thống kê số liệu(cơ sở có quy mô lớn hơn thống kê số liệu, cơ sở giáo dục còn lại chỉ kê khai phân thông tin chung và ghi chú trong biểu mẫu “ Cơ sở vật chất dùng chung Trường...”.

+ Ủy ban nhân dân các huyện , thị xã, thành phố tổng hợp số liệu theo biểu mẫu 5,6,7,17.

(Khi tổng hợp số liệu không thay đổi nội dung, bố cục của các biểu mẫu, mọi chi tiết xin liên hệ Phòng Kế hoạch- Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo: Ông Thái Như Võ, số điện thoại 0913483457.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi toàn bộ các biểu mẫu thống kê số liệu của các cơ sở giáo dục, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kèm theo báo cáo của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Báo cáo của các địa phương gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 10/9/2015 bằng văn bản và file văn bản theo địa chỉ : Phòng Kế hoạch-Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo; Email: vogddtb@gmail.com.

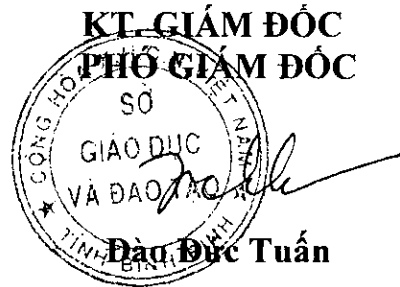
Sau thời gian nêu trên, nếu không có báo cáo coi như địa phương không có nhu cầu và Sở Giáo dục và Đào tạo không tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trân trọng./.

Nơi nhận :

- Như trên ;
- UBND tỉnh(để báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Phòng GD&ĐT các huyện, TX, TP;
- Lưu VT, KHTC.

Nuu



TỈNH: HUYỆN: XÃ:
TRƯỜNG MẦM NON:

Biểu số 1

**THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU CƠ SỞ VẬT CHẤT
(ÁP DỤNG CHO CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON)**

STT	Nội dung	Đơn vị	Hiện trạng	Quy mô đến năm 2020					Ghi chú							
				Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								
A	THÔNG TIN CHUNG															
1	Diện tích đất	m ²														
2	Số học sinh	HS														
3	Số lớp	lớp														
4	Số giáo viên, nhân viên	GV														
B	Hiện trạng và nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất		Hiện trạng							Nhu cầu đầu tư đến 2020						
			Tổng số	Kiến cơ		Bán kiến cơ		Tạm		Nhờ, mượn, thuê		Tổng số	Xây dựng mới			
				Số lượng	Tổng diện tích (m ²)	Số lượng	Tổng diện tích (m ²)	Số lượng	Tổng diện tích (m ²)	Số lượng	Tổng diện tích (m ²)		Bổ sung đủ hạng mục	Xóa p.bản kiến cơ xuống cấp năng	Xóa phòng tạm	Xóa phòng nhớ, mượn, thuê
			(a)=(b)+(d)+(g)+(i)	(b)	(c)	(d)	(e)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)=(l)+(m)+(n)+(o)	(l)	(m)	(n)	(o)
1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ (1)															
	Chia ra: - Nhà trẻ	phòng														
	- Mẫu giáo	phòng														
	- Nhà vệ sinh (2)	nhà														
2	Khối phòng phục vụ học tập															
	- Phòng giáo dục thể chất	phòng														
	- Phòng giáo dục nghệ thuật	phòng														
	- Phòng đa chức năng (3)	phòng														
3	Khối phòng tổ chức ăn															
	- Nhà bếp	phòng														
	- Kho	phòng														
4	Khối phòng hành chính quản trị															
	- Văn phòng	phòng														
	- Phòng hành chính quản trị	phòng														
	- Phòng Hiệu trưởng	phòng														
	- Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng														
	- Phòng nhân viên	phòng														
	- Phòng bảo vệ	phòng														
	- Phòng Y tế	phòng														
	- Nhà vệ sinh dành cho giáo viên, cán bộ, nhân viên	nhà														
5	Công trình khác															
	- Tường rào (4)	hạng mục														
	- Hệ thống nước sạch (5)	hạng mục														
	- Sân chơi	hạng mục														

(Đề nghị gửi biểu mẫu về địa chỉ email: vogdtdb@gmail.com)

Người lập biểu
Ký tên

....., ngày ... tháng ... năm 20...
Hiệu trưởng
Ký tên, đóng dấu

Ho, tên:
Ghi chú:

Ho, tên:

- (1) Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ : bao gồm phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, vệ sinh, chơi.
- (2) Nhà vệ sinh: thống kê riêng đối với các nhà vệ sinh cách xa các phòng học.
- (3) Phòng đa chức năng: bao gồm các chức năng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật.
- (4) Tường rào: thống kê theo m dài
- (5) Hệ thống nước sạch: bao gồm nước từ công trình cấp nước tập trung (tự chảy, bơm dẫn), giếng đào, giếng khoan, nước suối, nước mặt, nước mưa, nước mạch lộ sử dụng được trực tiếp hoặc sau khi xử lý thỏa mãn.
- (b) Phòng kiên cố: là các phòng thuộc công trình/nhà được phân cấp III (theo các quy định hiện hành). Bao gồm các phòng có niên hạn sử dụng trên 20 năm.
- (d) Phòng bán kiên cố: là các phòng thuộc công trình/nhà được phân cấp IV (theo các quy định hiện hành). Bao gồm các phòng thuộc công trình nhà 01 tầng có kết cấu đơn giản, có niên hạn sử dụng dưới 20 năm.
- (g) Phòng tạm: - Các phòng được làm từ cây tre, tranh tre, nứa lá.
- Phòng có kết cấu cột, vì kèo bằng tre, gỗ; mái lợp bằng lá, fibrô xi măng, ngói hoặc tôn; vách làm bằng phên tre, nứa, gỗ ghép, tróc xi với rơm, tường trình hàng đất, lán vừa xi măng hoặc lát gạch.
- Phòng được xây bằng gạch nhưng không đảm bảo quy định về diện tích, chiều cao, cửa đi, cửa sổ quá nhỏ, không đủ ánh sáng.
- (i) Phòng nhờ, mượn, thuê:
Trong đó:
 - + Phòng nhờ mượn: là nơi các trường hiện đang phải mượn của đình chùa, nhà dân, kho hợp tác xã, để làm chỗ học, phục vụ học tập, hành chính quản trị, nhà ăn, bếp, vệ sinh, thực sự cần phải có phòng
 - + Phòng thuê: là nơi các trường hiện đang phải thuê của nhà dân, của địa phương để làm chỗ học, phục vụ học tập, hành chính quản trị, nhà ăn, bếp, vệ sinh, thực sự cần phải có phòng thay thế.
- (l) Xây mới bổ sung các hạng mục còn thiếu: xây mới bổ sung phòng học đảm bảo 1 lớp/1 phòng và xây mới bổ sung đủ các phòng chức năng theo yêu cầu của Điều lệ của các cơ sở giáo dục.
- (m) Xây mới xóa bán kiên cố xuống cấp nặng: bao gồm các phòng thuộc công trình/ nhà được phân cấp IV (theo các quy định hiện hành), thuộc công trình nhà 01 tầng, có hệ kết cấu vì kèo bằng gỗ hoặc tre đã mục.
- (n) Xây mới xóa các phòng tạm thời theo chủ thích tại mục (g).
- (o) Xây mới xóa các phòng nhờ, mượn, thuê: bao gồm phòng nhờ, mượn, phòng thuê theo chủ thích tại mục (i).

	- Phòng hỗ trợ giáo dục khuyết tật học hòa nhập (nếu có)	phòng																	
3	Khối phòng hành chính quản trị																		
	- Phòng Hiệu trưởng	phòng																	
	- Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng																	
	- Phòng họp	phòng																	
	- Phòng giáo viên	phòng																	
	- Văn phòng	phòng																	
	- Phòng Y tế	phòng																	
	- Kho	phòng																	
	- Phòng bảo vệ	phòng																	
4	Công trình khác																		
	- Phòng ăn, nghỉ phục vụ	phòng																	
	- Nhà vệ sinh dành cho	Nhà																	
	- Nhà vệ sinh dành cho	Nhà																	
	- Tường rào (2)	hạng mục																	
	- Hệ thống nước sạch (1)	hạng mục																	
	- Sân chơi	hạng mục																	
	- Công trình thể thao																		
	+ Bể bơi	hạng mục																	
	+ Sân thể thao (4)	hạng mục																	

(Đề nghị gửi biểu mẫu về địa chỉ email: vogdtdb@gmail.com

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Người lập biểu

Ký tên

Hiệu trưởng

Ký tên, đóng dấu

Họ, tên:

Họ, tên:

Ghi chú:

(1) Phòng thiết bị giáo dục: phòng đựng và bảo quản các thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

(2) Tường rào: thống kê theo m dài.

(3) Hệ thống nước sạch: bao gồm nước từ công trình cấp nước tập trung (tự chảy, bơm dẫn), giếng đào, giếng khoan, nước suối, nước mặt, nước mưa, nước mạch lộ sử dụng được trực tiếp

(4) Sân thể thao: Bao gồm: sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng rổ, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân bóng ném ...

(b) Phòng kiên cố: là các phòng thuộc công trình/nhà được phân cấp III (theo các quy định hiện hành). Bao gồm các phòng có niên hạn sử dụng trên 20 năm.

(d) Phòng bán kiên cố: là các phòng thuộc công trình/nhà được phân cấp IV (theo các quy định hiện hành). Bao gồm các phòng thuộc công trình nhà 01 tầng có kết cấu đơn giản, có niên hạn

(g) Phòng tạm: - Các phòng được làm từ cây tre, tranh tre, nứa lá.

- Phòng có kết cấu cột, vì kèo bằng tre, gỗ; mái lợp bằng lá, fibrô xi măng, ngói hoặc tôn; vách làm bằng phen tre, nứa, gỗ ghép, tróc xỉ với rơm, tường trình bằng đất, lán vữa

- Phòng được xây bằng gạch nhưng không đảm bảo quy định về diện tích, chiều cao, cửa đi, cửa sổ quá nhỏ, không đủ ánh sáng.

(i) Phòng nhờ, mượn, thuê:

Trong đó:

+ Phòng nhờ mượn: là nơi các trường hiện đang phải mượn của đình chùa, nhà dân, kho hợp tác xã, để làm chỗ học, phục vụ học tập, hành chính quản trị, nhà ăn, bếp, vệ sinh,

+ Phòng thuê: là nơi các trường hiện đang phải thuê của nhà dân, của địa phương để làm chỗ học, phục vụ học tập, hành chính quản trị, nhà ăn, bếp, vệ sinh, thực sự cần phải có

(c), (e), (h), (j) Tổng diện tích: tổng diện tích sàn xây dựng của tổng số các phòng hiện có.

(l) Xây mới bổ sung các hạng mục còn thiếu: xây mới bổ sung phòng học đảm bảo 1 lớp/1phòng và xây mới bổ sung đủ các phòng chức năng theo yêu cầu của Điều lệ của các cơ sở giáo dục.

(m) Xây mới xóa bán kiên cố xuống cấp nặng: bao gồm các phòng thuộc công trình/ nhà được phân cấp IV (theo các quy định hiện hành), thuộc công trình nhà 01 tầng, có hệ kết cấu vì kèo

(n) Xây mới xóa các phòng tạm thời theo chú thích tại mục (g).

(o) Xây mới xóa các phòng nhờ, mượn, thuê: bao gồm phòng nhờ, mượn, phòng thuê theo chú thích tại mục (i).

- Phòng Y tế	phòng																		
- Kho	phòng																		
- Phòng bảo vệ	phòng																		
- Phòng tổ chức Đảng, đoàn thể	phòng																		
4 Công trình khác																			
- Nhà vệ sinh dành cho giáo viên	Nhà																		
- Nhà vệ sinh dành cho học sinh	Nhà																		
- Tường rào (2)	hạng mục																		
- Hệ thống nước sạch (3)	hạng mục																		
- Sân chơi	hạng mục																		
- Công trình thể thao:																			
+ Bể bơi	hạng mục																		
+ Sân thể thao (4)	hạng mục																		

(Đề nghị gửi biểu mẫu về địa chỉ email: vogdtdb@gmail.com)

Người lập biểu
Ký tên

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Hiệu trưởng
Ký tên, đóng dấu

Họ, tên:

Họ, tên:

Ghi chú:

- (1) Phòng chuẩn bị: phòng để chứa, bảo quản các thiết bị và chuẩn bị thiết bị thí nghiệm dạy học.
- (2) Tường rào: thống kê theo m dài.
- (3) Hệ thống nước sạch: bao gồm nước từ công trình cấp nước tập trung (tự chảy, bơm dẫn), giếng đào, giếng khoan, nước suối, nước mặt, nước mưa, nước mạch lộ sử dụng được trực tiếp
- (4) Sân thể thao: Bao gồm: sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng rổ, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân bóng ném ...
- (b) Phòng kiên cố: là các phòng thuộc công trình/nhà được phân cấp III (theo các quy định hiện hành). Bao gồm các phòng có niên hạn sử dụng trên 20 năm.
- (d) Phòng bán kiên cố: là các phòng thuộc công trình/nhà được phân cấp IV (theo các quy định hiện hành). Bao gồm các phòng thuộc công trình nhà 01 tầng có kết cấu đơn giản, có niên
- (g) Phòng tạm: - Các phòng được làm từ cây tre, tranh tre, nứa lá.
- Phòng có kết cấu cột, vì kèo bằng tre, gỗ; mái lợp bằng lá, fibrô xi măng, ngói hoặc tôn; vách làm bằng phen tre, nứa, gỗ ghép, tróc xi vôi rơm, tường trình bằng đất, lán
- Phòng được xây bằng gạch nhưng không đảm bảo quy định về diện tích, chiều cao, cửa đi, cửa sổ quá nhỏ, không đủ ánh sáng.
- (i) Phòng nhờ, mượn, thuê:
Trong đó:
+ Phòng nhờ mượn: là nơi các trường hiện đang phải mượn của đình chùa, nhà dân, kho hợp tác xã, để làm chỗ học, phục vụ học tập, hành chính quản trị, nhà ăn, bếp, vệ
+ Phòng thuê: là nơi các trường hiện đang phải thuê của nhà dân, của địa phương để làm chỗ học, phục vụ học tập, hành chính quản trị, nhà ăn, bếp, vệ sinh, thực sự cần phải
- (c), (e), (h), (j) Tổng diện tích: tổng diện tích sàn xây dựng của tổng số các phòng hiện có.
- (l) Xây mới bổ sung các hạng mục còn thiếu: xây mới bổ sung phòng học đảm bảo 1 lớp/1 phòng và xây mới bổ sung đủ các phòng chức năng theo yêu cầu của Điều lệ của các cơ sở giáo
- (m) Xây mới xóa bán kiên cố xuống cấp nặng: bao gồm các phòng thuộc công trình/ nhà được phân cấp IV (theo các quy định hiện hành), thuộc công trình nhà 01 tầng, có hệ kết cấu vì
- (n) Xây mới xóa các phòng tạm thời theo chủ thích tại mục (g).
- (o) Xây mới xóa các phòng nhờ, mượn, thuê: bao gồm phòng nhờ, mượn, phòng thuê theo chủ thích tại mục (i).

TỈNH: HUYỆN:

Biểu số 5

**TỔNG HỢP THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU CƠ SỞ VẬT CHẤT
(BIỂU TỔNG HỢP CỦA HUYỆN ÁP DỤNG CHO CẤP HỌC MẦM NON)**

STT	Nội dung	Đơn vị	Hiện trạng	Quy mô đến năm 2020					Ghi chú							
				Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								
A	THÔNG TIN CHUNG															
1	Tổng số trường	trường														
2	Tổng số học sinh	HS														
3	Tổng số lớp	lớp														
4	Tổng số giáo viên, nhân viên	GV														
B	Hiện trạng và nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất		Hiện trạng							Nhu cầu đầu tư đến 2020						
			Tổng số	Kiến cố		Bán kiến cố		Tạm		Nhờ, mượn, thuê		Tổng số	Xây dựng mới			
				Số lượng	Tổng diện tích (m2)	Số lượng	Tổng diện tích (m2)	Số lượng	Tổng diện tích (m2)	Số lượng	Tổng diện tích (m2)		Số lượng	Tổng diện tích (m2)	Bổ sung đủ hạng mục	Xóa p.bán kiến cố xuống cấp nâng
			(a)=(b)+(d)+(g)+(i)	(b)	(c)	(d)	(e)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)=(l)+(m)+(n)+(o)	(l)	(m)	(n)	(o)
1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ (1)															
	Chia ra: - Nhà trẻ	phòng														
	- Mẫu giáo	phòng														
	- Nhà vệ sinh (2)	nhà														
2	Khối phòng phục vụ học tập															
	- Phòng giáo dục thể chất	phòng														
	- Phòng giáo dục nghệ thuật	phòng														
	- Phòng đa chức năng (3)	phòng														
3	Khối phòng tổ chức ăn															
	- Nhà bếp	phòng														
	- Kho	phòng														
4	Khối phòng hành chính quản trị															
	- Văn phòng	phòng														
	- Phòng hành chính quản trị	phòng														
	- Phòng Hiệu trưởng	phòng														
	- Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng														
	- Phòng nhân viên	phòng														
	- Phòng bảo vệ	phòng														
	- Phòng Y tế	phòng														
	- Nhà vệ sinh dành cho giáo viên, cán bộ, nhân viên	nhà														
5	Công trình khác															
	- Tường rào (4)	hạng mục														
	- Hệ thống nước sạch (5)	hạng mục														
	- Sân chơi	hạng mục														

Người lập biểu

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Chủ tịch UBND huyện

Ký tên

Ký tên, đóng dấu

Họ, tên:

Họ, tên:

Ghi chú:

- (1) Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ : bao gồm phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, vệ sinh, sân chơi.
- (2) Nhà vệ sinh: thống kê riêng đối với các nhà vệ sinh cách xa các phòng học.
- (3) Phòng đa chức năng: bao gồm các chức năng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật.
- (4) Tường rào: thống kê theo m dài
- (5) Hệ thống nước sạch: bao gồm nước từ công trình cấp nước tập trung (tự chảy, bơm dẫn), giếng đào, giếng khoan, nước suối, nước mặt, nước mưa, nước mạch lộ sử dụng được trực tiếp
- (b) Phòng kiên cố: là các phòng thuộc công trình/nhà được phân cấp III (theo các quy định hiện hành). Bao gồm các phòng có niên hạn sử dụng trên 20 năm.
- (d) Phòng bán kiên cố: là các phòng thuộc công trình/nhà được phân cấp IV (theo các quy định hiện hành). Bao gồm các phòng thuộc công trình nhà 01 tầng có kết cấu đơn giản, có niên hạn
- (g) Phòng tạm: - Các phòng được làm từ cây tre, tranh tre, nứa lá.
- Phòng có kết cấu cột, vì kèo bằng tre, gỗ; mái lợp bằng lá, fibrô xi măng, ngói hoặc tôn; vách làm bằng phen tre, nứa, gỗ ghép, tróc xi vôi rơm, tường trình bằng đất, lán vữa
- Phòng được xây bằng gạch nhưng không đảm bảo quy định về diện tích, chiều cao, cửa đi, cửa sổ quá nhỏ, không đủ ánh sáng.
- (i) Phòng nhờ, mượn, thuê:

Trong đó:

- + Phòng nhờ mượn: là nơi các trường hiện đang phải mượn của đình chùa, nhà dân, kho hợp tác xã, để làm chỗ học, phục vụ học tập, hành chính quản trị, nhà ăn, bếp, vệ sinh,
 - + Phòng thuê: là nơi các trường hiện đang phải thuê của nhà dân, của địa phương để làm chỗ học, phục vụ học tập, hành chính quản trị, nhà ăn, bếp, vệ sinh, thực sự cần phải có
- (l) Xây mới bổ sung các hạng mục còn thiếu: xây mới bổ sung phòng học đảm bảo 1 lớp/1 phòng và xây mới bổ sung đủ các phòng chức năng theo yêu cầu của Điều lệ của các cơ sở giáo dục.
 - (m) Xây mới xóa bán kiên cố xuống cấp nặng: bao gồm các phòng thuộc công trình/ nhà được phân cấp IV (theo các quy định hiện hành), thuộc công trình nhà 01 tầng, có hệ kết cấu vì kèo
 - (n) Xây mới xóa các phòng tạm thời theo chú thích tại mục (g).
 - (o) Xây mới xóa các phòng nhờ, mượn, thuê: bao gồm phòng nhờ, mượn, phòng thuê theo chú thích tại mục (i).

- Công trình thể thao																		
+ Bê bốt	hạng mục																	
+ Sân thể thao (4)	hạng mục																	

Người lập biểu
Ký tên

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Chủ tịch UBND huyện
Ký tên, đóng dấu

Họ, tên:

Họ, tên:

Ghi chú:

- (1) Phòng thiết bị giáo dục: phòng dựng và bảo quản các thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.
- (2) Tường rào: thống kê theo m dài.
- (3) Hệ thống nước sạch: bao gồm nước từ công trình cấp nước tập trung (tự chảy, bơm dẫn), giếng đào, giếng khoan, nước suối, nước mặt, nước mưa, nước mạch lộ sử dụng được trực tiếp
- (4) Sân thể thao: Bao gồm: sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng rổ, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân bóng ném ...
- (b) Phòng kiên cố: là các phòng thuộc công trình/nhà được phân cấp III (theo các quy định hiện hành). Bao gồm các phòng có niên hạn sử dụng trên 20 năm.
- (d) Phòng bán kiên cố: là các phòng thuộc công trình/nhà được phân cấp IV (theo các quy định hiện hành). Bao gồm các phòng thuộc công trình nhà 01 tầng có kết cấu đơn giản, có niên
- (g) Phòng tạm: - Các phòng được làm từ cây tre, tranh tre, nứa lá.
- Phòng có kết cấu cột, vì kèo bằng tre, gỗ; mái lợp bằng lá, fibrô xi măng, ngói hoặc tôn; vách làm bằng phên tre, nứa, gỗ ghép, tróc xi với rom, tường trình bằng đất, lán
- Phòng được xây bằng gạch nhưng không đảm bảo quy định về diện tích, chiều cao, cửa đi, cửa sổ quá nhỏ, không đủ ánh sáng.
- (i) Phòng nhờ, mượn, thuê:
Trong đó:
+ Phòng nhờ mượn: là nơi các trường hiện đang phải mượn của đình chùa, nhà dân, kho hợp tác xã, để làm chỗ học, phục vụ học tập, hành chính quản trị, nhà ăn, bếp, vệ sinh,
+ Phòng thuê: là nơi các trường hiện đang phải thuê của nhà dân, của địa phương để làm chỗ học, phục vụ học tập, hành chính quản trị, nhà ăn, bếp, vệ sinh, thực sự cần phải
- (c), (e), (h), (j) Tổng diện tích: tổng diện tích sàn xây dựng của tổng số các phòng hiện có.
- (l) Xây mới bổ sung các hạng mục còn thiếu: xây mới bổ sung phòng học đảm bảo 1 lớp/1 phòng và xây mới bổ sung đủ các phòng chức năng theo yêu cầu của Điều lệ của các cơ sở giáo
- (m) Xây mới xóa bán kiên cố xuống cấp nặng: bao gồm các phòng thuộc công trình/ nhà được phân cấp IV (theo các quy định hiện hành), thuộc công trình nhà 01 tầng, có hệ kết cấu vì
- (n) Xây mới xóa các phòng tạm thời theo chú thích tại mục (g).
- (o) Xây mới xóa các phòng nhờ, mượn, thuê: bao gồm phòng nhờ, mượn, phòng thuê theo chú thích tại mục (i).

	- Phòng tổ chức Đảng, đoàn thể	phòng																	
4 Công trình khác																			
	- Nhà vệ sinh dành cho giáo viên	Nhà																	
	- Nhà vệ sinh dành cho học sinh	Nhà																	
	- Tường rào (2)	hạng mục																	
	- Hệ thống nước sạch (3)	hạng mục																	
	- Sân chơi	hạng mục																	
	- Công trình thể thao:																		
	+ Bể bơi	hạng mục																	
	+ Sân thể thao (4)	hạng mục																	

Người lập biểu
Ký tên

....., ngày ... tháng ... năm 20...
Chủ tịch UBND huyện
Ký tên, đóng dấu

Họ, tên:

Họ, tên:

Ghi chú:

- (1) Phòng chuẩn bị: phòng để chứa, bảo quản các thiết bị và chuẩn bị thiết bị thí nghiệm dạy học.
- (2) Tường rào: thống kê theo m đài.
- (3) Hệ thống nước sạch: bao gồm nước từ công trình cấp nước tập trung (tự chảy, bơm dẫn), giếng đào, giếng khoan, nước suối, nước mặt, nước mưa, nước mạch lộ sử dụng được trực tiếp
- (4) Sân thể thao: Bao gồm: sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng rổ, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân bóng ném ...
- (b) Phòng kiên cố: là các phòng thuộc công trình/nhà được phân cấp III (theo các quy định hiện hành). Bao gồm các phòng có niên hạn sử dụng trên 20 năm.
- (d) Phòng bán kiên cố: là các phòng thuộc công trình/nhà được phân cấp IV (theo các quy định hiện hành). Bao gồm các phòng thuộc công trình nhà 01 tầng có kết cấu đơn giản, có niên hạn
- (g) Phòng tạm:
 - Các phòng được làm từ cây tre, tranh tre, nứa lá.
 - Phòng có kết cấu cột, vì kèo bằng tre, gỗ; mái lợp bằng lá, fibrô xi măng, ngói hoặc tôn; vách làm bằng phen tre, nứa, gỗ ghép, tróc xi với rom, tường trình bằng đất, lán
 - Phòng được xây bằng gạch nhưng không đảm bảo quy định về diện tích, chiều cao, cửa đi, cửa sổ quá nhỏ, không đủ ánh sáng.
- (i) Phòng nhờ, mượn, thuê:

Trong đó:

 - + Phòng nhờ mượn: là nơi các trường hiện đang phải mượn của đình chùa, nhà dân, kho hợp tác xã, để làm chỗ học, phục vụ học tập, hành chính quản trị, nhà ăn, bếp, vệ sinh,
 - + Phòng thuê: là nơi các trường hiện đang phải thuê của nhà dân, của địa phương để làm chỗ học, phục vụ học tập, hành chính quản trị, nhà ăn, bếp, vệ sinh, thực sự cần phải có
- (c), (e), (h), (j) Tổng diện tích: tổng diện tích sàn xây dựng của tổng số các phòng hiện có.
- (l) Xây mới bổ sung các hạng mục còn thiếu: xây mới bổ sung phòng học đảm bảo 1 lớp/1 phòng và xây mới bổ sung đủ các phòng chức năng theo yêu cầu của Điều lệ của các cơ sở giáo dục.
- (m) Xây mới xóa bán kiên cố xuống cấp nặng: bao gồm các phòng thuộc công trình/ nhà được phân cấp IV (theo các quy định hiện hành), thuộc công trình nhà 01 tầng, có hệ kết cấu vì kèo
- (n) Xây mới xóa các phòng tạm thời theo chủ thích tại mục (g).
- (o) Xây mới xóa các phòng nhờ, mượn, thuê: bao gồm phòng nhờ, mượn, phòng thuê theo chủ thích tại mục (i).

TỈNH: HUYỆN:XÃ:
 TRƯỜNG MẦM NON:

Biểu số 13

**TỔNG HỢP THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU
 (ÁP DỤNG CHO CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON)**

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	TBDH hiện có	Tỉ lệ đáp ứng nhu cầu tối thiểu (%)	Kinh phí đầu tư TBDH giai đoạn			Nhu cầu mua sắm TBDH		Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó			Số lượng		Giá dự toán (triệu đồng)
						NSTW	NSĐP	XHH			
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng										
I	Thiết bị dạy học tối thiểu (1)										
1	Nhóm trẻ 3 - 12 tháng tuổi	Bộ									
2	Nhóm trẻ 12 - 24 tháng tuổi	Bộ									
3	Nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi	Bộ									
4	Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi	Bộ									
5	Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	Bộ									
6	Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Bộ									
7	Thiết bị, đồ chơi ngoài trời	Bộ									
II	Thiết bị dùng chung										
1	Máy tính (2)	Bộ									
2	Phần mềm tin học (3)	Bộ									
3	Máy chiếu	Bộ									
4	Thiết bị âm thanh	Bộ									
III	Thiết bị khác										
1	Thiết bị, đồ chơi tự làm (4)	Cái/chiếc									
2	Thiết bị khác (5)	Cái/chiếc									
IV	Thiết bị TĐTT (6)										
1											
2											
3											

(Đề nghị gửi biểu mẫu về địa chỉ email: vogdtdb@gmail.com)

.....ngày tháng năm 2015

Người lập biểu
 Ký tên

Hiệu trưởng
 Ký tên, đóng dấu

Họ, tên:.....

Họ, tên:.....

Ghi chú:

- (1) Báo cáo theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- (2) Chỉ báo cáo số lượng máy tính phục vụ công tác giảng dạy và học tập, không báo cáo số lượng máy tính phục vụ công tác quản lý, văn phòng.
- (3) Báo cáo số lượng các phần mềm tin học phục vụ công tác giảng dạy, học tập, công tác quản lý, văn phòng.
- (4) Báo cáo các thiết bị, đồ chơi tự làm theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu và ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu.
- (5) Báo cáo số lượng các thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu.
- (6) Báo cáo số lượng các thiết bị, dụng cụ TĐTT ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, phục vụ công tác rèn luyện thể chất, vận động.

Các từ viết tắt:

- * NSTW: Ngân sách nhà nước Trung ương
- * NSDP: Ngân sách nhà nước địa phương
- * XHH: Ngân sách huy động xã hội hóa do cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đóng góp tự nguyện (đóng góp bằng hiện vật, ngày công cần được quy ra tiền)

TỈNH: HUYỆN: XÃ:
 TRƯỜNG TIỂU HỌC:

Biểu số 14

**TỔNG HỢP THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU
 (ÁP DỤNG CHO CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TIỂU HỌC)**

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	TBDH hiện có	Tỉ lệ đáp ứng nhu cầu tối thiểu (%)	Kinh phí đầu tư TBDH giai đoạn 2011-			Nhu cầu mua sắm TBDH		Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó			Số lượng		Giá dự toán (triệu đồng)
			NSTW	NSDP		XHH					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng										
I	Thiết bị dạy học tối thiểu (1)										
1	Thiết bị dạy học lớp 1	Bộ									
2	Thiết bị dạy học lớp 2	Bộ									
3	Thiết bị dạy học lớp 3	Bộ									
4	Thiết bị dạy học lớp 4	Bộ									
5	Thiết bị dạy học lớp 5	Bộ									
II	Thiết bị dùng chung										
1	Máy tính (2)	Bộ									
2	Phần mềm tin học (3)	Bộ									
3	Máy chiếu	Bộ									
4	Thiết bị âm thanh	Bộ									
5	Phòng giáo dục nghệ thuật	Bộ									
6	Phòng học ngoại ngữ (LAB)	Bộ									
7	Thư viện	Bộ									
III	Thiết bị khác										
1	Thiết bị tự làm (4)	Cái/chiếc									
2	Thiết bị khác (5)	Cái/chiếc									
IV	Thiết bị ĐDTT (6)										
1											
2											
3											
V	Hệ thống bàn ghế học sinh										
1	Bàn ghế học sinh 4 chỗ ngồi	Bộ									
2	Bàn ghế học sinh khác dưới 4 chỗ ngồi	Bộ									

(Đề nghị gửi biểu mẫu về địa chỉ email: vogdtdb@gmail.com)

Người lập biểu
 Ký tên

.....ngày tháng năm 2015

Hiệu trưởng
 Ký tên, đóng dấu

Họ, tên:.....

Họ, tên:.....

Ghi chú:

- (1) Báo cáo theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- (2) Chỉ báo cáo số lượng máy tính phục vụ công tác giảng dạy và học tập, không báo cáo số lượng máy tính phục vụ công tác quản lý, văn phòng.
- (3) Báo cáo số lượng các phần mềm tin học phục vụ công tác giảng dạy, học tập, công tác quản lý, văn phòng.
- (4) Báo cáo các thiết bị tự làm theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu và ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu.
- (5) Báo cáo số lượng các thiết bị dạy học ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu.
- (6) Báo cáo số lượng các thiết bị, dụng cụ TDTT ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, phục vụ công tác rèn luyện thể chất, vận động.

Các từ viết tắt:

- * NSTW: Ngân sách nhà nước Trung ương
- * NSDP: Ngân sách nhà nước địa phương
- * XIII: Ngân sách huy động xã hội hóa do cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đóng góp tự nguyện (đóng góp bằng hiện vật, ngày công cần được quy ra tiền)

TỈNH: HUYỆN: XÃ:
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ:

Biểu số 15

**TỔNG HỢP THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU
(ÁP DỤNG CHO CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ)**

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	TBDH hiện có	Tỉ lệ đáp ứng nhu cầu tối thiểu (%)	Kinh phí đầu tư TBDH giai đoạn 2002-			Nhu cầu mua sắm TBDH		Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó		Số lượng	Giá dự toán (triệu đồng)		
	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Tổng										
	Thiết bị dạy học tối thiểu (1)										
1	Thiết bị dạy học lớp 6	Bộ									
2	Thiết bị dạy học lớp 7	Bộ									
3	Thiết bị dạy học lớp 8	Bộ									
4	Thiết bị dạy học lớp 9	Bộ									
II	Phòng học bộ môn										
1	Phòng học bộ môn Vật Lý	Bộ									
2	Phòng học bộ môn Hóa học	Bộ									
3	Phòng học bộ môn Sinh học	Bộ									
4	Phòng học bộ môn khác (2)	Bộ									
III	Thiết bị dùng chung										
1	Máy tính (3)	Bộ									
2	Phần mềm tin học (4)	Bộ									
3	Máy chiếu	Bộ									
4	Thiết bị âm thanh	Bộ									
IV	Thiết bị khác										
1	Thiết bị tự làm (5)	Cái/chiếc									
2	Thiết bị khác (6)	Cái/chiếc									
V	Thiết bị TDTT (7)										
1											
2											
3											
VI	Hệ thống bàn ghế học sinh										
1	Bàn ghế học sinh 4 chỗ ngồi	Bộ									
2	Bàn ghế học sinh khác dưới 4 chỗ ngồi	Bộ									

(Đề nghị gửi biểu mẫu về địa chỉ email: vogddtb@gmail.com)

Người lập biểu

.....ngày tháng năm 2015

Hiệu trưởng

Ký tên

Ký tên, đóng dấu

Họ, tên:.....

Họ, tên:.....

Ghi chú:

- (1) Báo cáo theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
 - (2) Báo cáo các phòng học bộ môn khác (Nghệ thuật, ngoại ngữ, thư viện, thể chất,...).
 - (3) Chỉ báo cáo số lượng máy tính phục vụ công tác giảng dạy và học tập, không báo cáo số lượng máy tính phục vụ công tác quản lý, văn phòng.
 - (4) Báo cáo số lượng các phần mềm tin học phục vụ công tác giảng dạy, học tập, công tác quản lý, văn phòng.
 - (5) Báo cáo các thiết bị tự làm theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu và ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu.
 - (6) Báo cáo số lượng các thiết bị dạy học ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu.
 - (7) Báo cáo số lượng các thiết bị, dụng cụ TĐTT ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, phục vụ công tác rèn luyện thể chất, vận động.
- Các từ viết tắt:*
- * NSTW: Ngân sách nhà nước Trung ương
 - * NSDP: Ngân sách nhà nước địa phương
 - * XHH: Ngân sách huy động xã hội hóa do cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đóng góp tự nguyện (đóng góp bằng hiện vật, ngày công cần được quy ra tiền)

2	Bản ghi học sinh khác dưới 4 chỗ ngồi	Bộ																		
---	---------------------------------------	----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Người lập biểu
Ký tên

Họ, tên:.....

.....ngày tháng năm 2015
Chủ tịch UBND huyện
Ký tên, đóng dấu

Họ, tên:.....